

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 10 /2017/PIV/CV/CBTT

-----o0o-----

V/v: Giải trình chênh lệch KQHĐSXKD
trước và sau kiểm toán của BCTC quý 4
năm 2016 và BCTC năm 2016

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Tên tổ chức : Công ty Cổ phần PIV
Mã Chứng khoán : PIV
Trụ sở chính : Tầng 13, tòa nhà TTC, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 04 3795 7603
Fax : 04 3795 7605

Căn cứ Thông tư số 155/2016/TT-BTC ngày 20/10/2016 của Bộ Tài chính về việc giải trình chênh lệch kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại Báo cáo tài chính Quý IV/2016 so với Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán. Công ty Cổ phần PIV xin giải trình như sau:

(Chi tiết theo bảng tổng hợp dưới đây):



CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu năm 2016 Công ty lập	Báo cáo kiểm toán năm 2016	Chênh lệch	Chênh lệch %	Nguyên nhân
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	287.121.659.583	270.010.069.514	(17.111.590.069)	-5,96%	Trong kỳ đơn vị đã mua hàng hóa của nhà cung cấp và đã bán cho khách hàng (kể toán đã ghi nhận doanh thu và giá vốn), nhưng do hàng hóa không đạt chất lượng nên khách hàng đã trả lại hàng hóa vì vậy đơn vị đã phải trả lại hàng hóa cho nhà cung cấp. Ví thể, đơn vị đã điều chỉnh giảm doanh thu, giá vốn. Đồng thời ghi nhận giảm công nợ phải thu khách hàng và công nợ phải trả nhà cung cấp
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	258.767.697	258.767.697	-		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	286.862.891.886	269.751.301.817	(17.111.590.069)	-5,97%	Do các nguyên nhân trên
4. Giá vốn hàng bán	11	265.090.861.393	248.734.145.357	(16.356.716.036)	-6,17%	Đây là phần giá vốn ghi nhận giảm tương ứng với phần doanh thu ghi nhận giảm đã nêu ở trên
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	21.772.030.493	21.017.156.460	(754.874.033)	-3,47%	Do các nguyên nhân trên
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.796.188	7.805.796	9.608	0,12%	
7. Chi phí tài chính	22	36.337.109	3.095.508.887	3.059.171.778	8419%	Do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá, trích lập dự phòng đầu tư tài chính
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	36.337.109	36.337.109	-		
8. Chi phí bán hàng	24	(1.285.494.396)	(1.732.764.744)	(447.270.348)	34,79%	Chủ yếu do các bút toán trích lập dự phòng bảo hành
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3.360.210.844	3.733.767.998	373.557.154	11,12%	Kiểm toán điều chỉnh lại theo đúng bản chất nghiệp vụ phát sinh
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30	19.668.773.124	15.928.450.115	(3.740.323.009)	-19,02%	Do các nguyên nhân trên
11. Thu nhập khác	31	300.301	300.301	-		
12. Chi phí khác	32	533.383.649	317.924.847	(215.458.802)	-40,39%	Kiểm toán điều chỉnh lại theo đúng bản chất nghiệp vụ phát sinh
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(533.083.348)	(317.624.546)	215.458.802	-40,42%	Do các nguyên nhân trên
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	19.135.689.776	15.610.825.569	(3.524.864.207)	-18,42%	Do các nguyên nhân trên
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3.933.814.625	3.388.888.981	(544.925.644)	-13,85%	Do các nguyên nhân trên
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	15.201.875.151	12.221.936.588	(2.979.938.563)	-19,60%	Do các nguyên nhân trên
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	965	981			

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

Nơi nhân:

- Như trên

- Lưu KT-TH



Hoàng Thị Hoài